

Số: /TB-CCTTBVTV

Thái Nguyên, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY
(Từ 23/10/2025 đến ngày 29/10/2025)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình: 28⁰C; Cao: 30⁰C; Thấp: 25⁰C.

- Nhận xét: Trong kỳ, mưa rào rải rác, ban ngày trời nắng gắt, thời tiết nắng nóng, đêm có sương.

2. Cây trồng

Cây trồng chính	Giai đoạn sinh trưởng		Diện tích (ha)
Lúa Mùa			52.049
Trong đó:	Mùa sớm	Thu hoạch xong	19.005
	Mùa trung	thu hoạch xong	13.403
	Mùa muộn	Đỏ đuôi	19.641
Ngô đông	Giai đoạn 3 – 5 lá		3.832
Cây chè	Phát triển búp - thu hái búp		23.576
Cây ăn quả	Cây Nhãn giai đoạn phát triển lộc		1.807
	Cây Na giai đoạn phát triển lộc		970
	Cây Bưởi giai đoạn phát triển quả - thu hoạch		2.162
	Cây Hồng không hạt giai đoạn thu hoạch		1.045
Cây rau	Giai đoạn phát triển - thu hoạch		7.755
Cây khoai tây	Phát triển củ, thân lá		170
Cây khoai lang	Phát triển củ, thân lá		95

II. TÌNH HÌNH DỊCH HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY QUA

1. Cây lúa

* **Mùa sớm: Thu hoạch xong**

* **Lúa mùa trung: thu hoạch xong**

* **Lúa mùa muộn: đở đui**

- Sâu đục thân 2 chấm: Tỷ lệ hại trung bình: 0,1% bông bạc, nơi cao: 0,8% bông bạc, cục bộ 4% bông bạc, tuổi 5, TT, tập trung ở các xã, phường: Vạn Xuân, Văn Lang, Cường Lợi, côn minh, Na rì, Bách quang, Sông Công.

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Mật độ trung bình: 50 - 100 con/m², nơi cao: 250 - 350 con/m², cục bộ: 1.200, tuổi 4, 5, TT, tập trung ở các xã, phường: Vạn Xuân, Văn Lang, Cường Lợi, côn minh, Na rì, Bách Quang, Phú Bình, Tân Khánh, Kha Sơn, Diềm Thụy, Tích Lương, Gia Sàng, Nà Pặc, Xã Nam Hoà, Đồng Hỷ, Văn Hán, Văn Lãng, Quang Sơn, La Hiên, Tràng Xá, Võ Nhai, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Yên Bình, Chợ Mới, Tân Kỳ, Đức Lương, Phú Xuyên.

- Bệnh khô vằn: Tỷ lệ bệnh trung bình: 5% dảnh bị hại, nơi cao: 10% dảnh bị hại, cục bộ: 40% dảnh bị hại, tập trung ở các xã, phường: Phúc Lộc, Thượng Minh, Bạch Thông, Phủ Thông, Cẩm Giàng, Phong Quang, P Chí Kiên, P Bắc Kạn, Tân Khánh, Tân Thành; Diềm Thụy, Kha Sơn, Phú Bình, Ngân Sơn, Tích Lương, Tân Cương, Quan Triều.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Tỷ lệ bệnh trung bình: 0,5 % bông bị hại, Nơi cao: 1,5% bông bị hại, Cục bộ: 4% bông bị hại. tập trung ở các xã, phường: Cẩm Giàng, Phủ Thông, Phong Quang.

2. Cây ngô

* **Ngô hè thu: thu hoạch.**

* **Ngô đông: 3 - 5 lá**

- Sâu keo mùa thu: Mật độ trung bình 0,1 con/m², nơi cao 2 con/m², tuổi 2, 3

3. Cây chè

- Rầy xanh: Tỷ lệ hại trung bình: 0,1 - 3% búp bị hại, nơi cao: 5,0 - 7,5% búp bị hại, tập trung ở các xã, phường: Quân Chu, Đồng Hỷ, Văn Hán, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Phổ Yên, Bá Xuyên, Vạn Phú, Đại Phúc, La Bằng, Phú Xuyên, Tân Cương.

- Bọ cánh tơ: Tỷ lệ hại trung bình: 1 - 3% búp bị hại, nơi cao: 5 - 7,5% búp bị hại tập trung ở các xã, phường: Phú Thịnh, Đức Lương, Vô Tranh, La Bằng, Phú Xuyên, Tiên Hội, Đồng Hỷ, Văn Hán, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Phổ Yên, Đại Phúc, Tân Cương.

- Bọ xít muỗi: Tỷ lệ hại trung bình: 1 - 3% búp bị hại, nơi cao: 5 - 7% búp bị hại, tập trung ở các xã Phú Thịnh, Đức Lương, Vô Tranh, La Bằng, Phú Xuyên, Tiên Hội, Đồng Hỷ, Văn Hán, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Phổ Yên, Đại Phúc, Tân Cương.

- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại trung bình: 1 - 5% lá bị hại, nơi cao: 7,5 - 10% lá bị hại, tập trung ở các xã, phường: Phú Thịnh, Đức Lương, Vô Tranh, La Bằng, Phú Xuyên, Tiên Hội, Đông Hỷ, Văn Hán, Đại Từ, Vạn Phú, Phú Lương, Phố Yên, Đại Phúc, Tân Cương.

4. Cây rau: Rệp muội: tỷ lệ hại: 1 – 5,5% cây, sâu tơ: tỷ lệ hại: 2 - 5 con/m², bọ nhảy tỷ lệ: 3 - 5 con/m².

5. Khoai lang, khoai tây: Sâu bệnh bình thường.

6. Cây nhãn, vải : Nhện lông nhung: Tỷ lệ trung bình: 1,25% cành bị hại, nơi cao: 7,25% cành bị hại.

7. Cây na, bưởi, hồng: Sâu, bệnh gây hại nhẹ, rải rác.

III. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ.

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới.

1.1. Trên cây lúa

**Diện tích lúa mùa muộn*

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, chuột, tiếp tục phát sinh gây hại giai đoạn đòng đuôi

1.2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu tiếp tục gây hại.

1.3. Trên cây chè:

Rầy xanh, bọ xít muỗi hại, bọ cánh tơ gây hại với mật độ giảm dần, nhện đỏ tiếp tục gây hại.

1.4. Cây ăn quả:

+ Cây nhãn: nhện lông nhung tiếp tục gây hại.

+ Cây na: rệp sáp gây hại ở mức độ mức nhẹ - trung bình.

+ Cây Bưởi (cây có múi): Các loại sâu hại trên gây hại ở mức độ mức nhẹ - trung bình.

1.5. Trên cây rau màu: Các đối tượng sinh vật hại như sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy... tiếp tục gây hại.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới.

- Đề nghị cán bộ được phân công từng địa bàn bám sát đồng ruộng theo dõi chặt chẽ diễn biến sâu bệnh hại như: Rầy nâu, rầy lưng trắng, chuột, bệnh đạo ôn cổ bông để có biện pháp phòng trừ kịp thời trên trà lúa mùa muộn.

- Tiếp tục theo dõi sâu bệnh trên cây chè, chủ động tham mưu và đề xuất các biện pháp, chỉ đạo phòng trừ hiệu quả.

- Các phòng chuyên môn tuyên truyền, hướng dẫn bà con nông dân chăm sóc cây trồng đúng quy trình canh tác, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng khỏe, tăng khả năng chống chịu sâu bệnh, thường xuyên thăm đồng và chủ động phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời, sử dụng thuốc BVTV theo kỹ thuật “4 đúng”. Căn cứ tình

hình sâu bệnh hại cây trồng, dự tính, dự báo, đánh giá nguy cơ, chủ động xây dựng kế hoạch phòng trừ, không để sâu bệnh hại trên diện rộng.

Đề nghị các địa phương phối hợp và thực hiện theo hướng dẫn và khuyến cáo của cơ quan chuyên ngành trong việc phòng trừ sinh vật gây hại./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng TT&BVTV;
- Lưu: VT, KDTVND.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Thanh Bình

ĐƠN VỊ: TỈNH THÁI NGUYÊN.

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ 23/10/2025 đến ngày 29/10/2025)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số với cùng kỳ NT (+/-)	DTPT	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
mùa sớm, trung		Thu hoạch xong											
Mùa muộn	Sâu đục thân 2 chấu	Chín sữa, chín sấp	0,1% bông bạc	0,8% bông bạc , cục bộ: 4% bông bạc									Vạn Xuân, Văn Lang, Cường Lợi, côn minh, Na rì, Bách quang, Sông Công.
	Rầy nâu, Rầy lưng trắng		50 - 100 con/m ²	250 – 350 con/m ² , Cục bộ 1,200 tuổi 4, 5, TT	200	200		400				300	Vạn Xuân, Văn Lang, Cường Lợi, côn minh, Na rì, Bách Quang, Phú Bình, Tân Khánh, Kha Sơn, Điềm Thụy, Tích Lương, Gia Sàng, Nà Pặc, Xã Nam Hoà, Đồng Hỷ, Văn Hán, Văn Lãng, Quang Sơn, La Hiên, Tràng Xá, Võ Nhại, Thanh Mai,

													Thanh Thịnh, Yên Bình, Chợ Mới, Tân Kỳ, Đức Lương, Phú Xuyên.
	Khô Vằn		5% dảnh bị hại	10%, cục bộ 40% dảnh bị hại	200	300						650	Tràng Xá, Dân Tiến, Chợ Mới, Yên Bình, Tiên Hội, La Bằng, Đại Phúc, Vạn Phú, Tân Khánh, Tân Cương, Quan Triều, Tân Khánh, Tân Thành; Điềm Thụy. Kha Sơn, Phú Bình, Ngân Sơn, Tích Lương, Tân Cương, Quan Triều, Phúc Lộc, Thượng Minh, Bạch Thông, Phủ Thông, Cẩm Giàng, Phong Quang, Chí Kiên, Bắc Kạn
	Đạo ôn cổ bông		0,3% bông bị hại	1,5% bông bị hại, cục bộ: 3% bông bị hại	5								Cẩm Giàng, Phủ Thông, Phong Quang.

Cây Ngô	Sâu keo mùa thu	3 – 4 lá	0,1 con/m ²	2 con/m ²	1	1		2					Phú Lương, Gia sàng, Phú Bình, Dân Tiến
Cây chè	Rầy xanh	Phát triển búp – Thu hái	1-3% búp bị hại	5,5 – 7,5% búp bị hại,	200	200		400				200	Phổ Yên, Baá Xuyên, Đồng Hỷ, Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa, Vạn Phúc, Quân Chu, Phú Thịnh, Đức Lương, Vô Tranh, La Bằng, Phú Xuyên, Tiên Hội, Đồng Hỷ, Văn Hán, Tân Cương.
	Bọ cánh tơ		1-3% búp bị hại	5 - 7% búp bị hại,	150	150		300	0	-		150	
	Bọ xít muỗi		1 – 3% búp bị hại	5 - 7% búp bị hại	30	50	0	80	0	-		10	
	Nhện đỏ		1 - 5 lá bị hại	7,5- 10% lá bị hại ,	200	200	0	400	0	800		300	
Cây ăn quả nhãn	Nhện lông nhung	Phát triển lộc	1,25% cành bị hại	7,5 % cành bị hại	5	5		10	0				Rải rác